

Kỷ Niệm Hoàng Diệu (1829-1882) Ngày 25 tháng 4 năm 2004 (tức 7 tháng 3 năm giáp thân)



Hình Tổng Đốc Hoàng Diệu trích từ www.xuquang.com

Sơ Lược Tiểu Sử: Tổng đốc Hoàng Diệu hiệu Tỉnh Trai, người làng Xuân Đài, quận Điện Bàn (tỉnh Quảng Nam), sinh ngày 10 tháng 2 năm 1829 (kỷ sửu). Ông thi đậu Phó Bảng năm 1851, được bổ làm Tri Phủ Tuy Viễn (Bình Định). Năm 1873 giữ chức Tham Tri Bộ Hình, rồi Tham Tri Bộ Lại kiêm Đô Sát Viên, dự bàn việc ở Viện Cơ Mật. Năm 1878 thăng làm Thượng Thư Bộ Lại. Khi tình hình ngoài Bắc sôi động, ông được cử đi làm Tổng Đốc Hà Ninh (Hà Nội và Hải Phòng). Ông trấn giữ Thành Hà Nội, cương quyết chống lại sự tấn công của quân Pháp do Đại tá Henry Rivière chỉ huy. Khi thành Hà Nội bị thất thủ, ông đã tuân tiết theo thành: đó là ngày 25 tháng 4 năm 1882, hưởng thọ 54 tuổi. Nay còn đền thờ tại Đền Trung Liệt trên Gò Đống Đa Hà Nội (thờ chung với Nguyễn Tri Phương) (Theo tài liệu của Xuân Đài Hoàng Hưng Cháu nội của Tổng Đốc Hoàng Diệu). Theo Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim: “Sang 5 giờ ngày mồng 8 th 3 năm nhâm ngọ (1882) quan tổng đốc tiếp được tờ tồ hậu thư của đại tá hạn cho đến 8 giờ phải giải binh, và các quan võ Việt Nam phải ra đợi lệnh ở Đồn Thủy. Đúng 8 giờ thì quân Pháp khởi sự đánh thành, 11 giờ thì thành đổ. Ông Hoàng Diệu treo lên cây thắt cổ mà tự tận, còn các quan thì bỏ chạy cả.” (Mồng 8 tháng 3 năm giáp thân là ngày 26 tháng 4 năm 2004).

Sau đây là bài viết của **Hoàng Vũ** (Chắt nội của tổng đốc Hoàng Diệu):

TƯỞNG NHỚ TỔNG ĐỐC HOÀNG DIỆU QUA THƠ VĂN Hoàng Vũ

Lời tác giả: Hàng năm vào ngày 25 tháng 4, con cháu họ Hoàng khắp nơi tề tựu tại nhà thờ và lăng mộ của Hoàng Tướng Công tại làng Xuân Đài, quận Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam để làm đám giỗ Ngài. Nhà thờ và lăng mộ của Ngài được trùng tu lại rất khang trang và khánh thành vào năm 1992, với kinh phí khoảng \$20,000 US, do sự đóng góp của chính quyền tỉnh Quảng Nam và con cháu họ Hoàng trong nước và khắp nơi trên thế giới. Sau nhiều trận bão lụt nhà thờ bị hư hại nhiều, nên lại được trùng tu vào năm 1998. Nhân ngày 25 tháng 4 năm 2003, kỷ niệm năm thứ 121 ngày Ông Cố tôi, Binh Bộ Thượng Thư Hà Ninh Tổng Đốc Hoàng Diệu tuân tiết tại thành Hà Nội (1882 – 2003), tôi sưu tầm một số thơ do Ngài viết, hiện nay thất lạc chỉ còn một ít bài thôi. Ngoài ra tôi cũng xin trích một số thơ văn do các bạn đồng liêu của Ngài, các kẻ hậu bối, cũng như con cháu Ngài đã viết về Ngài. Từ xưa đến nay đã có nhiều tác giả viết về tiểu sử của Ngài, nên trong bài này tôi chỉ đề cập đến những bài thơ do Ngài viết, và những bài thơ viết về Ngài mà thôi. Hầu hết các bài thơ trong này

chưa hề xuất bản, vì là tài liệu của gia đình Họ Hoàng chúng tôi.

THƠ VĂN DO NGÀI VIẾT

- **Bài thơ “GIÁNG BÚT”** do Ngài viết khi Ngài làm Án Sát ở tỉnh Bắc Giang:

Hỡi khách anh hùng cõi nước Nam
Trong vòng danh lợi ấy ai khôn?
Tắc gan tiết nghĩa non Nùng vững
Một dạ trung trinh nước Nhị tuôn
Một khắc chia vành duyên trắng hăm
Trăm năm càng tỏ chút vàng son
Màu hoa giữ lại xuân thành khách
Ngọc diệp kim chi chớ để mòn.

- **Bài thơ “QUÁ GIANG TỨC CẢNH”** do Ngài viết sau khi nhậm chức Thượng Thư Bộ Binh kiêm Hà Ninh Tổng Đốc, trong khi đi thị sát địa hình địa thế ngoại ô thành Hà Nội.

Quá bước tìm phương bỗng tới đây
Khen cho con tạo khéo trưng bày
Sông e biển cạn bù thêm nước
Núi sợ trời nghiêng đỡ lấy mây
Rạc rạc sóng còn che mặt nước
Ao ào gió thổi cuốn rừng cây
Nửa về nửa ở lòng đầu nỏ
Ngán nỗi trời chiều bóng xế tây!

- **Bài “NGŨ HÀNH SƠN KÝ”**, nguyên tác bằng chữ Hán, viết năm 1877 khi ngài viếng thăm Ngũ Hành Sơn:

“Dư thường quái Lê Thánh Tôn tuần hành sơ chí giai hữu đề vịnh, hành Quảng Nam phàm tam kiến như Ngũ Hành khuyết yên. Ý ngũ bách niên tiền do tại hải trung, khả vọng nhi bất khả đối tông niệm sa bồi, thủy hữu dân cư, nhi thử sơn xuất hiện.

Minh Mạng niên giám giá hành Ngũ Hành Sơn, thiết vọng giang vọng hải nhị đài. Thượng Hữu Huyền Không, Lăng Hư, Linh Nham, Vân Thông, Tàng Chân ngũ động, khắc tự thạch giang. Hạ hữu Vân Nguyệt, Thiên Long Nhị Cốc, chúc hành lý hứa biệt khai nhất động, thâm nhập âm khí lột cốt, tòng lai vi hữu tích kỳ đế giá. Cái động phúc thiên địa chi kỳ, tất đãi thánh nhân chi hậu kỳ yên?”

Dịch nghĩa: BÀI KÝ NGŨ HÀNH SƠN

Ta thường thấy làm lạ rằng vua Lê Thánh Tôn đi tuần đến đâu đều có đề thơ ngâm vịnh, song Ngài viếng Quảng Nam ba lần mà không thấy nói đến Ngũ Hành Sơn. Có lẽ trước đây năm trăm năm núi ấy còn ngoài bể, thấy đó mà không tới được, dần dần cát bồi, có người đến ở mà núi đó mới hiện ra.

Khi vua Minh Mạng ngự giá đến đây ban cho tên là Ngũ Hành Sơn, đặt hai đài Vọng Giang và Vọng Hải. Trên có năm động: Huyền Không, Lăng Hư, Linh Nham, Vân Thông và Tàng Chân, khắc chữ trên bia đá. Dưới có hai hang: Vân Nguyệt và Thiên Long, thấp được đi bộ một dặm lại mở ra một động nữa, khi đi vào trong khí lạnh buốt xương, từ trước đến nay chưa ai đến tận cùng. Phải chăng chốn động phúc thiên kỳ vĩ còn chờ thánh nhân chăng?

THƠ VĂN VIẾT VỀ NGÀI

- Bài “**ĐIỀU HOÀNG TƯỚNG CÔNG**” của *Tổng Đốc Nam Định Võ trọng Bình* (1882)
(Điều Tổng Đốc Hoàng Diệu chống Pháp, tuần tiết tại thành Hà Nội)

Nguyên tác bằng chữ Hán viết năm 1882,

Bình sinh trung liệt đối thanh thiên
Nhất đáng phi thường thế' xử nhiên
Chính khí cao tiêu Nùng Lĩnh thượng
U hồn tiềm tại thánh nhan tiền
Quân năng bắt phạt Tây dương pháo
Ngã diệc vô dong Phú lãng thuyền
Nguyệt bất đồng sinh quân dữ ngã
Anh hùng thành bại nhất tâm kiên.

Bản dịch của *Nguyễn Quốc Định*:

Lòng trung vằng vặc giữa trời xanh
Cuộc thế xuôi nên một sáng đành
Khí tỏa non Nùng cao chót vót
Hồn châu bệ ngọc sáng long lanh
Súng Tây bắc chẳng hề nao núng
Tàu Pháp tôi nào chịu mỏng manh
Không sống cùng thù tôi bác nguyện
Được thua há bận chí hùng anh!

- Bài “**ĐIỀU CỤ HOÀNG DIỆU**” của *Phó Bổng Nguyễn trọng Tĩnh*:

Một tay cầm bút lại cầm binh
Muôn dặm giang sơn chỉ một mình
Phò chúa chúa lo, lo trước chúa
Giữ thành thành mất, mất theo thành
Suối vàng chắc hẳn mài gươm bạc
Máu đỏ âu đành chếp sử xanh
Di biểu hãy còn nêu chánh khí
Nghìn năm ghi nhớ bậc hùng anh.

- Trích bài “**ĐIỀU TANG ÔNG HOÀNG DIỆU**” của các ông *Phan đình Phùng, Trần đình Túc, Nguyễn hữu Độ, Hoàng hữu Thường* và *Võ Nhựt*:

Trượng phu hura thân vì nước,
chỉ hết mình nơi việc đáng làm.
Chí sĩ quyết liệt thành nhân,
há lại sát thân mà tiếc!
Thấy nguy liều mệnh,
thế mới là đáng gọi can trường.
Coi chết như về,
thật rõ rệt trần gian hân hữu.

- Bài “**KÍNH NIỆM CỤ HOÀNG TƯỚNG CÔNG**” của bác sĩ kiêm thi sĩ *Thái Can*:

Thiết thạch can trường nhất tử trung

Giang sơn hòa lệ khắp anh hùng
Phong vân biến sắc bi hào kiệt
Thảo mộc hàm sầu biệt tướng công
Nhất phiến đang tâm chiêu nhật nguyệt
Sổ hàng di biểu liễu tang bồng
Hoành Sơn Trà Lĩnh bi trường tại
Thanh sử tiền đề vọng cổ phong.

Dịch:

Dạ sắt gan đồng một chết trung
Non sông nhòa lệ khóc anh hùng
Gió mây phai sắc thương hào kiệt
Cây cỏ u sầu biệt tướng công
Một tấm lòng son ngời nhật nguyệt
Đôi dòng di biểu sạch tang bồng
Hoành Sơn, Trà Lĩnh bia còn mãi
Sử sách muôn năm vẫn sắc phong.

- **Bài: “HÀ THÀNH CHÍNH KHÍ CA”** của *Nguyễn văn Giai* (Ba Giai)

Một cơn gió thấm mưa sầu
Nấu nung gan sắc giải dầu lòng son
Chữ trung đã rắp vuông tròn
Quyết đem gởi cái tàn hồn gốc cây
Trời cao bể rộng đất đầy
Núi Nùng sông Nhị chốn này làm ghi
Thương ôi! Trong buổi lưu ly
Tắc riêng ai cũng thương vì người trung
Rủ nhau tiền góp của chung
Đưa người ra táng ở thung học đường
Thiệt tha nhẽ ngăn ngở nhường
Tả tôi thành quách tôi tàn vật nhân
Ngán thay cho cái phong trần
Ngán thay cho kẻ trung thân lắm thay!

Vì ai nên nổi nước này
Để người danh tiết biết ngày nào quên
Dải Nhị Hà cõi giang biên
Trăm năm tiếng tốt để nghìn người coi
Họ Hoàng Tổng Đốc là ai?
Anh hùng khảng khái vốn người cõi Nam
Ngồi thành Hà Nội mấy năm
Một phương cõi Bắc ngựa trông thế nào.

Thơ XUỐNG HẠ: “GUƠM CHÍNH KHÍ”

- **Bài Xướng: “GUƠM CHÍNH KHÍ”** của nhà thơ *Xuân Đài Hoàng Hưng*, cháu nội của Hoàng Tướng Công. Bài này do thân phụ tôi viết nhân ngày khánh thành nhà thờ của Ngài tại làng Xuân Đài vào ngày 25 tháng 4 năm 1992. Bài thơ này được nhiều thi hữu nồng nhiệt đáp ứng và họa lại. Xin ghi lại đây bài xướng và một số bài họa tiêu biểu mà thôi.

Gương lệnh vua trao trần cõi ngoài
Tình nhà nợ nước triu hai vai
Trượng phu hướa quốc thân nào tiếc
Chí sĩ lưu phương sử chẳng phai
Lưỡng độ gương thiên ngời chính khí
Thiên thu di biểu rạng anh tài
Nhiều điều một dải đền ơn nước
Đâu thẹn tiền nhân chốn vũ đài.

- **Bài họa: “GUỒM CHÍNH KHÍ”** của *Hoàng Dũng*, chất nội của Hoàng Tường Công:

Gương báu vua ban trần giặc ngoài
Hiếu trung hai chữ trưu bờ vai
Hy sinh tự nghĩa bia ghi tạc
Tuần quốc thành nhân sử chẳng phai
Di biểu đôi dòng ngời tiết tháo
Non Nùng lưỡng độ rạng anh tài
Kiến nguy thọ mạng đền ơn nước
Oanh liệt vang danh cõi vũ đài.

- **Bài họa: “GUỒM CHÍNH KHÍ”** của *Hoàng Vũ*, chất nội của Hoàng Tường Công:

Giặc Pháp mưu toan ở cõi ngoài
Ngăn loài Bạch Quỷ nặng đôi vai
Tứ bề thọ địch (1) tâm không chuyển
Bốn phía công thành dạ chẳng phai
Nùng Lĩnh còn thương người nghĩa khí
Nhị Hà mãi tiếc đáng anh tài
Ngàn năm tiết tháo lưu kim cổ
Tổ Quốc vinh danh tạc tượng đài. (2)

(1) Vừa bị quân Pháp bao vây tứ phía, lại bị nội phản. Điển hình là Án Sát Tôn Thất Bá được Ngài cử ra ngoài thành xem xét nội tình, đã cam tâm đầu hàng kẻ địch, lại còn cho giặc biết cách bố trí phòng thủ của quân ta để giặc dễ bề tấn công.

(2) Thành phố Hà Nội với sự đóng góp tài chánh của con cháu họ Hoàng đang xúc tiến đúc một tượng đồng của Ngài, không biết đã hoàn thành chưa.

- **Bài họa: “GUỒM CHÍNH KHÍ”** của nhà thơ *Hải Cát*:

Tổ quốc lâm nguy giặc lấn ngoài
Làm trai trung hiếu nặng thêm vai
Giang sơn một cõi gan không núng
Khanh tướng đôi bề dạ chẳng phai
Cứu nước gương thiên xoay trục đất
Quên mình chính khí rạng hiền tài
Tám gương đại nghĩa ngời thanh sử
Dừng tiết nghìn thu dấu tượng đài

- **Bài họa: “GUỒM CHÍNH KHÍ”** của nhà thơ *Nguyễn Khuê*:

Như ngọn thần phong cuốn bụi ngoài
Trùng trùng sóng hận quyết chen vai
Cửa ô mây lớp gương mài bén

Cổ giặc bao hàng gió cuộn phai
Ngồi khì ung dung mà tựu nghĩa
Rạng gương khắng khái để so tài
Dấu xưa còn đỏ xanh giòng sử
Dải lụa sông Thao ngổ trăn đài.

- **Bài họa: “GƯƠNG CHÍNH KHÍ”** của nhà thơ *Trần ngọc Liễn*:

Vâng lệnh ra đi nhậm xứ ngoài
Lo toan nhiệm vụ chất đời vai
Tình nhà gác lại thân nào quản
Nợ nước báo đền dạ chẳng phai
Đất Bắc nêu cao người nghĩa khí
Trời Nam tỏ mặt bậc anh tài
Mất thành tuần quốc không hàng giặc
Sử sách lưu danh, lập tượng đài.

Canada, đầu xuân 2003

- **Bài Họa “GƯƠNG CHÍNH KHÍ”** của *Vương Sinh*:

Thước gương chính khí giữ thành ngoài
Nợ nước đong đầy nặng trĩu vai
Bất khuất thề không hàng giặc Pháp
Trung kiên nguyện giữ nghĩa không phai
Danh còn nhắc mãi trang hùng sử
Thành mất thương thay vị tướng tài
Một dải nhiều điều trung với nước
Cháu con tưởng nhớ lập linh đài.

- **Bài Họa: “TỔNG ĐỐC HOÀNG DIỆU”** của *Sơn Khê*:

Hà Thành địch bủa cả trong ngoài
Hoàng Diệu hiên ngang xứng đáng vai
Trí dũng ,lòng son khôn thể chạy
Tâm hùng ,dạ sắt chẳng hề phai
Phất cờ tam đại nêu cao nghĩa
Đánh trống ngũ liên tỏ rõ tài
Vận nước suy vong, thành thất thủ
Dây oan mượn giải xuống tuyền đài